

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học
hệ vừa làm vừa học ngành Luật**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHTN, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BGDĐT ngày 21/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Công văn số 200/ĐHTN - ĐT ngày 15/2/2017 của Đại học Thái Nguyên về việc cho phép mở lớp đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật tại Trường Đại học Khoa học năm 2017;

Căn cứ Công văn số 413/ĐHTN-ĐT ngày 17/03/2017 của Đại học Thái Nguyên về việc phê duyệt phương án điểm chuẩn và danh sách thí sinh trúng tuyển đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật tại Trường Đại học Khoa học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 49 thí sinh trúng tuyển vào học đại học hệ vừa làm vừa học ngành Luật (khóa học 2017 – 2021) tại Trường Đại học Khoa học (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như Điều 2 (t/h);
- Phòng CTHSSV, KH-TC (t/h);
- Khoa Luật & QLXH (t/h);
- Edocman, Website trường;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NGÀNH LUẬT

(Kèm theo Quyết định số 229/ĐHKH-ĐT ngày 27 tháng 03 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng ƯT	Khu vực ƯT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	TĐ	Ghi chú
1	DTZ.01	Nguyễn Ngọc Ánh	28.08.1990	Nam	Hà Giang	06	1	6.50	5.50	6.50	18.50	
2	DTZ.03	Nùng Hùng Chính	20.01.1991	Nam	Hà Giang	01	1	6.00	5.50	6.00	17.50	
3	DTZ.04	Trương Đình Công	04.04.1983	Nam	Hà Giang	06	1	7.00	5.50	5.75	18.50	
4	DTZ.05	Nguyễn Thị Diệp	24.03.1985	Nữ	Hà Giang	06	1	6.00	6.50	5.00	17.50	
5	DTZ.07	Phàn Chấn Đồng	28.07.1987	Nam	Hà Giang	06	1	6.00	5.50	4.25	16.00	
6	DTZ.08	Lâm Bình Duy	05.11.1992	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	3.50	5.25	14.00	
7	DTZ.09	Lâm Văn Giang	06.04.1992	Nam	Hà Giang	06	1	5.00	5.50	5.50	16.00	
8	DTZ.11	Nguyễn Khắc Hoàn	28.07.1984	Nam	Hà Giang	06	1	7.00	6.50	6.00	19.50	
9	DTZ.12	Hà Thị Huế	09.09.1988	Nữ	Hà Giang	06	1	5.50	5.50	4.00	15.00	
10	DTZ.13	Nguyễn Thanh Hương	15.06.1982	Nữ	Hà Giang		1	6.00	5.50	7.50	19.00	
11	DTZ.14	Nguyễn Thị Liệu	27.07.1987	Nữ	Hà Giang		1	7.00	7.00	7.75	22.00	
12	DTZ.15	Vũ Mai Linh	09.05.1982	Nữ	Hà Giang		1	7.00	5.50	6.50	19.00	
13	DTZ.16	Sùng Mí Linh	06.04.1976	Nam	Hà Giang	01	1	5.00	5.00	7.00	17.00	
14	DTZ.17	Lý Văn Lộc	30.11.1985	Nam	Hà Giang	06	1	7.00	7.00	7.50	21.50	



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng ƯT	Khu vực ƯT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	TĐ	Ghi chú
15	DTZ.18	Trần Phan Long	05.03.1984	Nam	Hà Giang		1	7.00	6.50	7.50	21.00	
16	DTZ.19	Vàng Seo Lòng	10.10.1988	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	4.50	5.50	14.50	
17	DTZ.20	Sùng Mí Lữ	01.03.1986	Nam	Hà Giang	06	1	5.50	4.50	6.00	16.00	
18	DTZ.21	Sùng Mí Lùng	19.02.1984	Nam	Hà Giang	06	1	6.00	4.50	6.00	16.50	
19	DTZ.22	Chảo Thị Mai	27.09.1994	Nữ	Hà Giang	06	1	4.50	4.50	3.50	12.50	
20	DTZ.23	Tân Xuân Ngọc	12.08.1995	Nam	Hà Giang	01	1	4.50	3.00	3.50	11.00	
21	DTZ.24	Lục Thị Nhung	07.12.1986	Nữ	Hà Giang	06	1	7.00	6.50	5.25	19.00	
22	DTZ.25	Trịnh Thị Nụ	16.10.1988	Nữ	Hà Giang		1	7.00	5.50	5.50	18.00	
23	DTZ.26	Nguyễn Thị Oanh	14.02.1995	Nữ	Hà Giang		1	8.00	6.50	6.25	21.00	
24	DTZ.27	Hoàng Văn Pênh	26.12.1984	Nam	Hà Giang	06	1	4.75	4.00	4.50	13.50	
25	DTZ.28	Sùng Mí Phứ	19.02.1986	Nam	Hà Giang	06	1	6.00	4.00	4.00	14.00	
26	DTZ.29	Vàng Văn Quang	09.07.1995	Nam	Hà Giang	06	1	6.50	5.50	6.00	18.00	
27	DTZ.30	Nguyễn Xuân Quý	13.09.1983	Nam	Hà Giang		1	6.50	8.00	5.25	20.00	
28	DTZ.31	Nông Trọng Quyền	02.07.1993	Nam	Hà Giang	06	1	7.00	5.00	6.25	18.50	
29	DTZ.32	Vàng Thị Rì	23.12.1997	Nữ	Hà Giang	06	1	5.50	5.00	6.00	16.50	
30	DTZ.34	Sùng Mí Súng	13.06.1983	Nam	Hà Giang	06	1	5.50	5.00	5.75	16.50	
31	DTZ.35	Sùng Thị Sy	07.12.1987	Nữ	Hà Giang	06	1	6.50	6.00	5.50	18.00	
32	DTZ.36	Chung Văn Thạc	24.05.1987	Nam	Hà Giang	06	1	7.00	5.50	7.75	20.50	

Handwritten signature

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Đối tượng ƯT	Khu vực ƯT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	TĐ	Ghi chú
33	DTZ.37	Đoàn Văn Thầm	12.03.1992	Nam	Hà Giang	06	1	5.50	6.00	7.00	18.50	
34	DTZ.38	Vương Ngọc Thắng	21.07.1988	Nam	Hà Giang	06	1	6.00	6.00	6.25	18.50	
35	DTZ.39	Hoàng Văn Thành	20.10.1983	Nam	Hà Giang	06	1	6.50	4.50	6.75	18.00	
36	DTZ.40	Phạm Thị Thoa	19.08.1986	Nữ	Hà Giang		1	5.50	6.00	9.00	20.50	
37	DTZ.41	Hoàng Cấn Tòng	05.07.1988	Nam	Hà Giang	01	1	5.50	6.00	7.25	19.00	
38	DTZ.42	Phan Xuân Trường	02.09.1983	Nam	Hà Giang		1	7.00	6.50	9.50	23.00	
39	DTZ.43	Vương Ngọc Tú	17.02.1990	Nam	Hà Giang	06	1	5.50	4.50	6.00	16.00	
40	DTZ.44	Tiêu Thị Thùy Vân	09.11.1994	Nữ	Hà Giang	06	1	5.50	6.00	7.50	19.00	
41	DTZ.45	Lê Minh Tân	15.06.1992	Nam	Hà Giang		1	6.00	5.00	7.00	18.00	
42	DTZ.46	Nguyễn Văn Đông	25.06.1980	Nam	Hà Giang	01	1	5.50	5.00	6.75	17.50	
43	DTZ.47	Lệnh Thị Hương	13.10.1988	Nữ	Hà Giang	01	1	6.00	6.00	6.75	19.00	
44	DTZ.48	Sùng Văn Thi	10.09.1982	Nam	Hà Giang	01	1	5.50	4.00	5.75	15.50	
45	DTZ.49	Hoàng Văn Vinh	10.08.1991	Nam	Hà Giang	01	1	7.00	6.50	7.00	20.50	
46	DTZ.50	Nguyễn Văn Phước	13.08.1985	Nam	Hà Giang		1	7.00	5.50	5.50	18.00	
47	DTZ.51	Nguyễn Văn Thịnh	17.03.1982	Nam	Hà Giang		1	7.50	4.50	5.25	17.50	
48	DTZ.52	Nguyễn Mạnh Đạt	07.04.1984	Nam	Hà Giang		1	4.50	3.00	5.75	13.50	
49	DTZ.53	Nguyễn Minh Tuệ	07.03.1991	Nam	Hà Giang		1	6.50	5.00	4.75	16.50	

Ấn định danh sách: 49 thí sinh